TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Quốc Trung
2. Ông Phan Văn Tao

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1976 (có mặt).

Bị đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng trú tại: 2/4B Khu phố X, thị trấn NB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2017 và bản tự khai ngày 04/01/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Trung D trình bày:

Ông và bà Lương Thị N tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo ông D vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2005 thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì bà N sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Ông D và bà N đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ là Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/11/2004, hiện đang sống chung với ông D. Sau khi ly hôn ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Lương Thị N hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần hỏi, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Trung D yêu cầu ly hôn với bà Lương Thị Nhạn. Do bà N có địa chỉ cư trú tại 2/4B Khu phố X, thị trấn NB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông Nguyễn Trung D xin ly hôn với bà Lương Thị N với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2005 đến nay mà không cải thiện được. Tại Phiếu kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Nhà Bè cho thấy ông D và bà N có mâu thuẫn gia đình nhưng không yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ giải quyết. Từ đầu năm 2017 đến nay ông D và bà N không còn sống chung.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với ông D cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên bà N vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà N là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Trung D đối với bà Lương Thị N.

[3.2] Về con chung: Ông D yêu cầu nuôi con. Xét trẻ Nguyễn Minh H hiện đang còn nhỏ, lại đang trực tiếp do ông D chăm sóc nuôi dưỡng kể từ lúc hai vợ chồng sống ly thân đến nay, nên việc giao con cho ông D tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định không có. Nếu sau này bà N có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Trung D có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008203 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Trung D được ly hôn với bà Lương Thị N.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/11/2004. Giao trẻ Minh H cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận việc ông D không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Trung D có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008203 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông D đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THU HIỀN